TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q.THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 11/2019/QĐST - DS	*Thanh Khê, ngày 26 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Lan Anh.**

Thư ký phiên họp: Bà **Lương Thị Thanh Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tham gia phiên họp: Ông **Lê Thanh Tráng** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 120/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về *"Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án"* theo Quyết định mở phiên họp số 120/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966; Địa chỉ: K27/32 đường L, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)
- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1956; Địa chỉ: Căn hộ B6.18, Khu R, Chung cư C, 36 B, quận T, TP. H. (Có mặt)
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; Địa chỉ: 12/21/11 đường V, thành phố L, tỉnh Đ. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị C, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn H, xã O, huyện N, thành phố N. (Có đơn xin vắng mặt)
- Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1967; Địa chỉ: K27/32 đường L, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

NỘI DỤNG VIỆC DÂN SỰ:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01.4.2019 và tại phiên họp, bà Nguyễn Thị A trình bày:* Cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn M, chết năm: 1985 và bà Nguyễn Thị Nh, chết năm: 2013. Cha mẹ của bà chết không để lại di chúc.

Ông M và bà Nh có 03 người con, gồm: bà là Nguyễn Thị A, sinh năm: 1956; bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958 và ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1966. Ngoài những người con nói trên, cha mẹ của bà không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Trong quá trình chung sống cha mẹ của bà có tạo lập được nhà và đất tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 24086 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29.12.2000. Ngôi nhà trên hiện đang do vợ chồng em trai của bà – ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị N1 quản lý, sử dụng. Do ông Nguyễn Văn N không hợp tác trong việc bán ngôi nhà trên để chia cho hai người chị (bà A và bà L). Ngày 01.4.2019, bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là nhà, đất đất tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng làm 03 phần bằng nhau.

Ngày 05.6.2019, Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành hòa giải và các bên đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

"1. *Xác định tài sản chung của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Nh để lại là:* Ngôi nhà với kết cấu: tường xây, mái tôn; số tầng: một; diện tích xây dựng: 42,00m^2 tọa lạc trên lô đất có diện tích: 63,10m^2 tại địa chỉ K27/32 đường L, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng có trị giá: 1.600.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

2. *Hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Nh gồm các con:* bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N.

3. *Việc phân chia tài sản chung cụ thể như sau:*

Giao ngôi nhà Ngôi nhà với kết cấu: tường xây, mái tôn; số tầng: một; diện tích xây dựng: 42,00m^2 tọa lạc trên lô đất có diện tích: 63,10m^2 tại địa chỉ K27/32 đường L, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng cho ông Nguyễn Văn N trọn quyền sở hữu, sử dụng. Trị giá nhà, đất giao cho ông Nguyễn Văn N sở hữu, sử dụng nói trên là: 1.600.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn N được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nói trên theo quy định của pháp luật.

4. *Nghĩa vụ thối trả do các bên thoả thuận:*

- Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thối trả cho Nguyễn Thị A số tiền 425.000.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng) vào ngày 26.6.2019.

- Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thối trả cho Nguyễn Thị L số tiền 425.000.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng) vào ngày 26.6.2019.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự".

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19.6.2019 thì hiện trạng ngôi nhà có xây dựng thêm phần gác lửng gỗ, không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Phần xây dựng thêm này là do vợ chồng ông N, bà N1 bỏ tiền ra.

Nay bà thống nhất và đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo các nội dung đã thỏa thuận nêu trên và ghi nhận hiện trạng nhà, đất đúng như tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19.6.2019.

Đối với bà Trần Thị C thì gia đình bà có biết bà C nhưng bà không thừa nhận bà C là con của ông Nguyễn Văn M và cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định ADN.

** Tại đơn trình bày đề ngày 14.5.2019 và tại phiên họp, ông Nguyễn Văn N trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị A về di sản thừa kế của cha mẹ để lại là nhà, đất tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 24086 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29.12.2000.

Cha của ông là ông Nguyễn Văn M, chết năm: 1985 và mẹ là bà Nguyễn Thị Nh, chết năm: 2013. Cha mẹ của ông chết không để lại di chúc. Ông M và bà Nh có 03 người con, gồm: bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1956; bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958 và ông là Nguyễn Văn N, sinh năm: 1966. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn M còn có 01 người con gái là bà Trần Thị C, sinh năm: 1970. Bà C là con ruột của ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Đ (chết năm 2005).

Ngoài những người con nói trên, cha mẹ của ông không còn con riêng hay con nuôi nào khác.

Ngày 01.4.2019, bà A nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế. Ngày 05.6.2019, Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành hòa giải và các bên đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà A. Ông đã

có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo các nội dung đã thỏa thuận ghi tại biên bản hòa giải, đối thoại thành ngày 05.6.2019.

Tuy nhiên, qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19.6.2019 thì hiện trạng ngôi nhà có xây dựng thêm phần gác lửng gỗ, không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Phần xây dựng thêm này là do ông và vợ - bà Phạm Thị N1 bỏ tiền ra xây. Hiện toàn bộ nhà, đất trên đang do vợ chồng ông quản lý, sử dụng.

Nay ông đề nghị Tòa án đưa bà Phạm Thị N1 cùng đồng đứng tên sở hữu, sử dụng nhà, đất tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và ghi nhận hiện trạng nhà, đất nói trên đúng như tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19.6.2019. Về nghĩa vụ thối trả và thời gian thối trả thì ông không có ý kiến gì thay đổi.

** Tại phiên họp bà Nguyên Thị Lan trình bày:* Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà Nguyễn Thị A về hàng thừa kế cũng như di sản thừa kế của cha mẹ - ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Nh để lại. Bản thân bà có biết bà Trần Thị C nhưng bà không thừa nhận bà C là con của ông M.

Nay bà thống nhất và đề nghị Toà án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo các nội dung đã thỏa thuận nêu trên và ghi nhận hiện trạng nhà, đất đúng như tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19.6.2019.

** Tại bản tự khai đề ngày 29.5.2019, bà Trần Thị C trình bày:* Cha của bà - ông Nguyễn Văn M, chết năm: 1985 có 02 người vợ là bà Nguyễn Thị Nh (chết năm 2013) và bà Lê Thị Đ (chết năm 2005). Cha của bà và bà Nh có 03 người con là Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn N. Cha của bà và bà Đ có 01 người con chính là bà. Cha và mẹ của bà không có đăng ký kết hôn và trước khi lấy cha của tôi thì bà Đ đã có chồng là ông Trần Ngọc A. Do đó, bà sinh ra mang họ của ông Trần Ngọc A (chết trước giải phóng). Trước khi chết, cha của bà và bà Nh có để lại nhà, đất tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà thống nhất với sự thỏa thuận của bà A, bà L, ông N về việc chia di sản thừa kế của ông M, bà Nh cụ thể: Giao nhà, đất nói trên cho ông N sở hữu sử dụng và ông N có nghĩa vụ thối trả kỷ phần thừa kế cho bà A, bà L. Bà thống nhất và không có ý kiến gì về sự thỏa thuận ghi tại biên bản hòa giải, đối thoại thành ngày 05.6.2019.

Mặc dù bà là con riêng của ông M nhưng trong nhà chỉ có ông N thừa nhận còn bà A và bà L thì không thừa nhận. Bà cũng không có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định ADN vì bà không có tranh chấp gì.

** Tại phiên họp, bà Phạm Thị N1 trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Văn N. Nguồn gốc nhà và đất tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn M và

bà Nguyễn Thị Nh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 24086 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29.12.2000. Hiện nhà, đất trên đang cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng. Trong quá trình sinh sống thì vợ chồng bà có bỏ tiền ra để xây dựng thêm phần gác lửng gỗ.

Nay bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị A yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo các nội dung đã thỏa thuận ghi tại biên bản hòa giải, đối thoại thành ngày 05.6.2019 và ông N đề nghị đưa bà vào cùng đứng tên sở hữu, sử dụng nhà, đất trên thì bà đồng ý và thống nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên họp về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham phiên họp trong quá trình giải quyết việc dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng căn cứ Điều 416, 417, 419 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Người yêu cầu - ông Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là quan hệ pháp luật yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

[2] Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên họp hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị C có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, áp dụng khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vắng mặt bà Trần Thị C.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thì thấy: Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung

thỏa thuận hòa giải thành do Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng lập ngày 05.6.2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19.6.2019 thì ngôi nhà tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng có sự thay đổi, cụ thể như sau: Trên thửa đất số 111, tờ bản đồ số 3, tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng diện tích đất: 63,10m^2, có ngôi nhà cấu trúc: nhà trệt, gác lửng gỗ, tường xây, nền gạch hoa; diện tích xây dựng: 42,00m^2; diện tích sử dụng: 84,00m^2. Toàn bộ nhà và đất trên hiện đang do vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị N1 quản lý, sử dụng. Tại phiên họp hôm nay, ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án đưa bà Phạm Thị N1 cùng đồng đứng tên sở hữu, sử dụng nhà, đất nói trên và bà Phạm Thị N1 đồng ý. Đây là sự tự nguyện của ông N và bà N1 nên cần chấp nhận.

Vì vậy, cần chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N về việc "Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án" như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên họp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 416, 417 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N phải chịu.

Căn cứ khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 2 Điều 39; Điều 149, 416, 417 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 120/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019, cụ thể như sau:

1. *Xác định tài sản chung của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Nh để lại là:* Ngôi nhà với cấu trúc: nhà trệt, gác lửng gỗ, tường xây, nền gạch hoa; diện tích xây dựng: 42,00m^2; diện tích sử dụng: 84,00m^2 tọa lạc trên thửa đất số 111, tờ bản đồ số 3, tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng có diện tích đất: 63,10m^2, có trị giá: 1.600.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

2. *Hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Nh gồm các con:* bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N.

3. *Việc phân chia tài sản chung cụ thể như sau:*

Giao ngôi nhà với cấu trúc: nhà trệt, gác lửng gỗ, tường xây, nền gạch hoa; diện tích xây dựng: 42,00m^2; diện tích sử dụng: 84,00m^2 tọa lạc trên thửa đất số 111, tờ bản đồ số 3, tại địa chỉ K27/32 đường L, tổ 12 phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng có diện tích đất: 63,10m^2 cho ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị N1 trọn quyền sở hữu, sử dụng. Trị giá nhà, đất giao cho ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị N1 sở hữu, sử dụng nói trên là: 1.600.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị N1 được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nói trên theo quy định của pháp luật.

4. *Nghĩa vụ thối trả do các bên thoả thuận:*

- Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thối trả cho Nguyễn Thị A số tiền 425.000.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng) vào ngày 26.6.2019. (Đã thanh toán xong)

- Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thối trả cho Nguyễn Thị L số tiền 425.000.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng) vào ngày 26.6.2019. (Đã thanh toán xong)

Điều 2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ mà ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0004795 ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

***Nơi nhận*:**
- *VKSND quận Thanh Khê;*
- *Chi cục THADSQ.Thanh Khê;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Thị Lan Anh